



**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH**

**(HỆ THỐNG GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN DÀNH CHO
KHÁCH HÀNG)**

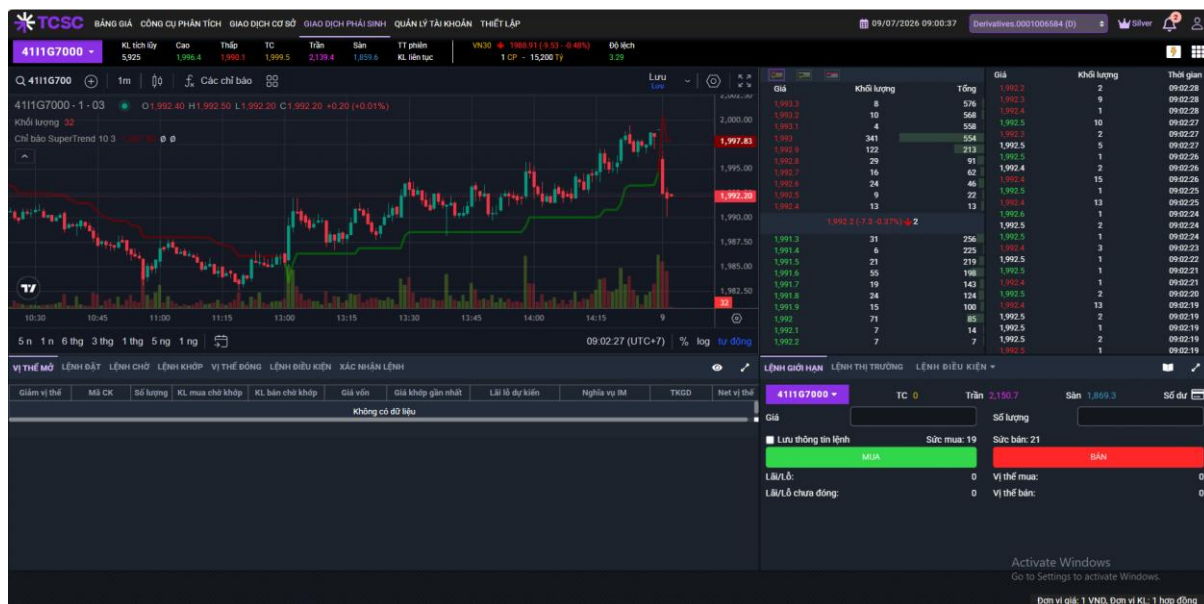
TP. HCM, tháng 08/2026

MỤC LỤC

1. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai	1
2. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá.....	2
3. Đồ thị kỹ thuật.....	3
4. Thông tin thị trường.....	3
5. Thông tin vị thế và sổ lệnh.....	5
5.1. Tab vị thế mở	5
5.2. Tab lệnh đặt	6
5.3. Tab lệnh chờ	7
5.4. Tab lệnh khớp	9
5.5. Tab vị thế đóng	10
5.6. Tab lệnh điều kiện	11
5.7. Tab xác nhận lệnh.....	13
6. Đặt lệnh phái sinh.....	14
6.1. Đặt lệnh giới hạn	14
6.2. Đặt lệnh thị trường	17
6.3. Đặt lệnh điều kiện	19
6.4. Xem hướng dẫn đặt lệnh	22

1. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai

Sau khi đăng nhập thành công, giao diện hiển thị màn hình chính sau:



Hình: Giao dịch phái sinh

Trên giao diện chính: Click vào combobox mã chứng khoán để xem thông tin chi tiết các mã HĐTL.

Yêu thích		Chứng khoán phái sinh	
Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
★ 4111G7000	VN30	16/07/2026	29039
★ 4111G8000	VN30	20/08/2026	1273
★ 4111G9000	VN30	17/09/2026	633

Hình: Danh sách mã chứng khoán

Tab chứng khoán phái sinh

Yêu thích		Chứng khoán phái sinh	
Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
★ 4111G7000	VN30	16/07/2026	29039
★ 4111G8000	VN30	20/08/2026	1273
★ 4111G9000	VN30	17/09/2026	633

Hình: Tab chứng khoán phái sinh

- Hiện thị thông tin các mã HĐTL:

Tên trường	Ý nghĩa
Mã CK	Mã hợp đồng tương lai
TSCS	Mã Tài sản cơ sở của HĐTL
Ngày ĐH	Ngày đáo hạn mã chứng khoán
OI	Khối lượng vị thể mở OI toàn thị trường

- Click chọn 1 dòng bất kì để chọn mã HĐTL muốn giao dịch.
- Click vào nút  để chọn mã CK yêu thích

+ Tab yêu thích

Click vào nút **"Yêu thích"** để hiện thị thông tin các mã CK yêu thích gồm các mã hợp đồng đã chọn

	Yêu thích	Chứng khoán phái sinh		
	Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI
	4111G7000	VN30	16/07/2026	29039
	4111G8000	VN30	20/08/2026	1273

Hình: Tab yêu thích

2. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá

4111G9000	KL tích lũy	Cao	Thấp	TC	Trần	Sàn	TT phiên	VN30	Độ lệch
21	1,870.6	1,864	1,859	1,947.4	1,892.6	1,885	KL liên tục	129,506,653 CP	-4,612.674 TP
Mã HĐ	Ngày ĐH	TC	Trần	Sàn	Độ lệch	KL mở	Bán mua	Khớp lệnh	Bán bán
4111G9000	17/09/2026	1,820	1,947.4	1,892.6	-129.69	294	Giá 3	Giá 2	Giá 1
4111G9000	25/09/2026	104,046	107,167	100,925			Giá 3	Giá 2	Giá 1

Hình: Thông tin mã chứng khoán & bảng giá

+ Thông tin:

- **KL tích lũy:** Khối lượng tích lũy trong ngày của mã được chọn.
- **Cao, Thấp:** Giá cao nhất và thấp nhất trong phiên của mã được chọn.
- **TC:** Giá tham chiếu của mã được chọn.
- **Trần và Sàn:** Giá trần và giá sàn của mã được chọn.
- **TT phiên:** Tình trạng phiên giao dịch (ở đây hiện thị "Đã đóng cửa").
- **VN30 và Độ lệch:** Chỉ số VN30 và độ lệch hiện tại của mã chứng khoán.

+ Chi tiết bảng giá:

- **Danh sách hợp đồng:**

- + Mã HĐ và Ngày ĐH: Hiển thị mã hợp đồng và ngày đáo hạn tương ứng (ví dụ: VN30F2412 đáo hạn vào 19/12/2024).
- + Giá: Hiển thị giá của các bên mua và bên bán tại các mức giá khác nhau (Giá 1, Giá 2, Giá 3) với khối lượng giao dịch đi kèm.
- **Bên Mua và Bên Bán:**
 - + Bên mua: Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt mua của các nhà đầu tư.
 - + Bên bán: Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt bán.
- **Thông tin khớp lệnh**
 - + Khớp Lệnh: Phần này cho biết các giao dịch đã được khớp thành công, hiển thị tổng khối lượng, giá khớp và sự thay đổi giá (+/-) so với lần khớp trước đó.

3. Đồ thị kỹ thuật



Hình: Đồ thị kỹ thuật

- Khung đồ thị cho phép Khách hàng quan sát được thị trường
- Sử dụng biểu đồ (cung cấp bởi TradingView) để theo dõi biến động giá theo thời gian.
- Tùy chỉnh khoảng thời gian hiển thị (5 phút, 1 ngày, 1 tuần, v.v.).
- Các thanh màu sắc biểu diễn khối lượng giao dịch, giúp nhận diện xu hướng tăng hoặc giảm.

4. Thông tin thị trường

- Khung hiển thị bao gồm các chân giá với khối lượng dự khớp chi tiết và tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tại mỗi mức giá. Tại mỗi mức giá đều có cột khối lượng dự khớp để Khách hàng có thể nhận biết rõ hơn các mức giá đang có khối lượng dự khớp cao nhất:

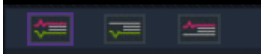
Giá	Khối lượng	Tổng
1,993.7	39	127
1,993.6	2	88
1,993.5	20	86
1,993.4	17	66
1,993.3	20	49
1,993.2	21	29
1,993.1	4	8
1,993	2	4
1,992.9	1	2
1,992.8	1	1
1,992.8 (-6.7 -0.34%) ↓ 1		
1,991.7	16	260
1,991.8	25	244
1,991.9	8	219
1,992	82	211
1,992.1	29	129
1,992.2	22	100
1,992.3	28	75
1,992.4	17	47
1,992.5	29	30
1,992.7	1	1

Hình: Dư mua, dư bán

- Bên cạnh đó còn có bảng hiển thị giá và khối lượng khớp theo các mốc thời gian khớp lệnh

Giá	Khối lượng	Tổng	Giá	Khối lượng	Thời gian
1,993.8	34	226	1,992.8	1	09:03:34
1,993.7	38	192	1,992.9	3	09:03:33
1,993.6	6	154	1,992.8	1	09:03:32
1,993.5	26	148	1,992.9	1	09:03:31
1,993.4	17	122	1,992.9	1	09:03:30
1,993.3	13	105	1,992.8	2	09:03:30
1,993.2	7	92	1,992.9	2	09:03:30
1,993.1	3	85	1,992.8	2	09:03:29
1,993	3	82	1,992.9	7	09:03:29
1,992.9	79	79	1,992.9	1	09:03:28
1,992.8 (-6.7 -0.34%) ↓ 1			1,992.9	2	09:03:27
1,991.9	8	372	1,992.7	1	09:03:27
1,992	120	364	1,992.9	1	09:03:26
1,992.1	30	244	1,992.8	1	09:03:26
1,992.2	21	214	1,992.7	2	09:03:24
1,992.3	29	193	1,992.7	1	09:03:24
1,992.4	19	164	1,992.7	1	09:03:23
1,992.5	38	145	1,992.9	2	09:03:23
1,992.6	50	107	1,992.7	10	09:03:23
1,992.7	56	57	1,992.8	15	09:03:23
1,992.8	1	1	1,992.7	2	09:03:23
			1,992.7	1	09:03:22
			1,992.8	1	09:03:22

Hình: Chi tiết bảng giá

- Khách hàng có thể lọc ra thông tin thị trường của mã HĐTL loại mua/bán hoặc cả mua/bán bằng cách chọn các icon  ở phần trên khung thông tin thị trường

5. Thông tin vị thế và sổ lệnh

Thông tin vị thế bao gồm các cửa sổ nhằm hiển thị đầy đủ và chi tiết nhất về vị thế của khách hàng, trong đó:

5.1. Tab vị thế mở

Bao gồm đầy đủ thông tin của mã hợp đồng tương lai đã/đang chờ khớp cùng thông tin về khối lượng, giá khớp gần nhất, giá vốn, lãi lỗ dự kiến, nghĩa vụ IM của tài khoản đang giao dịch.

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH										
Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thế
Đóng	4111G4000	42	5	2	1,723	1,870.3	618,660,000	1,335,394,200	0001000001	Có
Đóng	4111G5000	-20	0	0	1,750	1,870.7	-241,400,000	636,038,000	0001000001	Có
Đóng	4111G6000	15	0	0	1,750	1,872.1	183,150,000	477,385,500	0001000001	Có
Đóng	4112G4000	9	0	0	1,700	1,807	96,300,000	276,471,000	0001000001	Có

Hình: Vị thế mở

- Tab vị thế mở bao gồm các thông tin:
 - + **Giảm vị thế:** Nút "Đóng" màu đỏ giúp người dùng đóng vị thế nếu muốn chốt lời hoặc cắt lỗ cho mã chứng khoán cụ thể.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của vị thế đang mở.
 - + **Số lượng:** Số lượng hợp đồng cho từng mã chứng khoán, trong đó giá trị âm biểu thị số lượng bán và ngược lại.
 - + **KL Mua chờ khớp và KL Bán chờ khớp:** Khối lượng lệnh mua và bán đang chờ khớp cho mỗi vị thế.
 - + **Giá vốn:** Giá vốn của mỗi vị thế, tức là giá mua vào hoặc giá vốn của giao dịch ban đầu.
 - + **Giá khớp gần nhất:** Giá khớp lệnh gần nhất của mã chứng khoán.
 - + **Lãi lỗ dự kiến:** Phần này hiển thị lợi nhuận hoặc lỗ dự kiến cho từng vị thế dựa trên giá khớp gần nhất và giá vốn.
 - + **Nghĩa vụ IM:** Nghĩa vụ ký quỹ cần thiết cho vị thế.
 - + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.
 - + **Net vị thế:** Trạng thái vị thế của tài khoản.
- Nhấn nút "Đóng" để đóng vị thế

VỊ THỂ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THỂ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Giảm vị thể	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thể
Đóng	4111G4000	42	5	2	1,723	1,870.3	618,660,000	1,335,394,200	0001000001	Có
Đóng	4111G5000	-20	0	0	1,750	1,870.7	-241,400,000	636,038,000	0001000001	Có
Đóng	4111G6000	15	0	0	1,750	1,872.1	183,150,000	477,385,500	0001000001	Có
Đóng	4112G4000	9	0	0	1,700	1,807	96,300,000	276,471,000	0001000001	Có

Hình: Vị thể mở - Đóng

Hệ thống tự đổi mã CK mặc định là mã CK được chọn. Tại khung đặt lệnh, giá mua tự fill = giá bán gần nhất, giá bán tự fill = giá mua gần nhất, số lượng = số lượng tương ứng để đóng vị thể của mã CK

VỊ THẾ MỞ											LỆNH ĐẶT											LỆNH CHỜ											LỆNH KHỚP											VỊ THẾ ĐÓNG											LỆNH ĐIỀU KIỆN											XÁC NHẬN LỆNH										
Giảm vị thế			Mã CK			Số lượng			KL mua chờ khớp			KL bán chờ khớp			Giá vốn			Giá khớp gần nhất			Lãi lỗ dự kiến			Nghĩa vụ IM			TKGD			Net vị thế																																														
Đóng			4111G4000			42			5			2			1,723			1,870.3			618,660,000			1,335,394,200			0001000001			Có																																														
Đóng			4111G5000			-20			0			0			1,750			1,870.7			-241,400,000			636,038,000			0001000001			Có																																														
Đóng			4111G6000			15			0			0			1,750			1,872.1			183,150,000			477,385,500			0001000001			Có																																														
Đóng			4112G4000			9			0			0			1,700			1,807			96,300,000			276,471,000			0001000001			Có																																														

LỆNH GIỚI HẠN											LỆNH THƯỜNG											LỆNH ĐIỀU KIỆN																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
Mã CK			Số lượng			Giá			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại			Loại</		

Hình: Thao tác đóng vị thể

5.2. Tab lệnh đặt

VỊ THỂ MỞ	LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THỂ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH							
Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	KL sửa	KL hủy	
16:08:24	4111G4000	Mua	LO	5	1,869.7	Chờ gửi	0	0	0	5	0	0	
16:06:10	4111G9000	Bán	LO	2	1,869	Chờ gửi	0	0	0	2	0	0	
16:05:48	4111G9000	Bán	LO	1	1,869	Lệnh sửa gửi thành công	0	0	0	0	2	0	
16:44:51	4111F7000	Bán	LO	20	1,350	Chờ gửi	0	0	0	20	0	0	
16:44:29	4111G9000	Bán	MTL	1	1,832.1	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0	
16:44:23	4111G9000	Mua	MOK	1	2,107.9	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0	
16:44:18	4111G9000	Mua	LO	1	2,007	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0	
16:39:12	4111G9000	Bán	MAK	1	1,832.1	Chờ gửi	0	0	0	1	0	0	
16:38:53	4111G9000	Bán	LO	2	2,006.5	Chờ gửi	0	0	0	2	0	0	

Hình: Tab lệnh đặt

- Là sổ lệnh hiển thị tất cả các lệnh đặt theo thời gian trong ngày bao gồm các thông tin:
 - + **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
 - + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
 - + **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
 - + **Giá đặt:** Giá mà khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
 - + **Trạng thái:** Hiện thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Đã gửi, Đã hủy, Khớp hết, Khớp một phần,...)
 - + **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
 - + **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
 - + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp).
 - + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại
 - + **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.

- + **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
- + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
- + **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh
- + **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

5.3. Tab lệnh chờ

VỊ THẾ MỞ														LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH		
	Hủy			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng							
	Hủy	Sửa		16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường								
	Hủy	Sửa		16:06:10	4111G9000	Bán	2	1,869	0	0	0	2	Thông thường								
	Hủy	Sửa		16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường								
	Hủy			16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường								
	Hủy			16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường								
	Hủy	Sửa		16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường								

Hình: Tab lệnh chờ

- Cửa sổ này giúp khách hàng quản lý được các lệnh chưa được khớp, gồm các thông tin:
 - + **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
 - + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
 - + **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
 - + **Giá đặt:** Giá mà khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
 - + **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Khớp một phần,...)
 - + **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
 - + **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
 - + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp một phần).
 - + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại
 - + **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
 - + **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
 - + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
 - + **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh
 - + **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

5.3.1. Sửa lệnh

- **Bước 1:** Click nút **Sửa** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ															LỆNH ĐẶT															LỆNH CHỜ															LỆNH KHỚP															VỊ THẾ ĐÓNG															LỆNH ĐIỀU KIỆN															XÁC NHẬN LỆNH																																																																																																																																									
☐	Hủy															☐	Hủy															☐	Sửa															Giờ đặt															Mã CK															Mua/Bán															KL đặt															Giá đặt															KL khớp															Giá khớp TB															Giá trị khớp															KL còn lại															Thường/Thỏa thuận															Trạng																													
☐	Hủy															☐	Hủy															☐	Sửa															16:08:24															4111G4000															Mua															5															1,869.7															0															0															0															0															5															Thông thường																													
☐	Hủy															☐	Hủy															☐	Sửa															16:06:10															4111G9000															Bán															2															1,869															0															0															0															0															2															Thông thường																													
☐	Hủy															☐	Hủy															☐	Sửa															16:44:51															4111F7000															Bán															20															1,350															0															0															0															0															20															Thông thường																													
☐	Hủy															☐	Hủy															☐																16:44:29															4111G9000															Bán															1															1,832.1															0															0															0															0															1															Thông thường																													
☐	Hủy															☐	Hủy															☐																16:44:23															4111G9000															Mua															1															2,107.9															0															0															0															0															1															Thông thường																													
☐	Hủy															☐	Hủy															☐	Sửa															16:44:18															4111G9000															Mua															1															2,007															0															0															0															0															1															Thông thường																													

Hiện thị màn hình Sửa lệnh:

Sửa lệnh

Số hiệu lệnh: 0068180825000263

Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL khớp	Khối lượng	Giá
4111G9000	Bán	LO	0	2	1,869

THỰC HIỆN

ĐÓNG

- **Bước 2:** Nhập các thông tin sửa về Khối lượng hoặc Giá hoặc cả hai Khối lượng, Giá
- **Bước 3:**
 - + Nhấn nút để đóng màn hình Sửa lệnh.
 - + Nhấn nút , hiển thị màn hình xác thực tài khoản

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

.....

Gửi lại OTP

Lưu xác thực cho lần sau

☐

Xác thực

Đóng

- **Bước 4:** Nhập mã SmartOT hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút Hiện thị thông báo “Đặt lệnh thành công”. Nhấn nút để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

5.3.2. Hủy lệnh

- **Bước 1:** Click nút tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ													
LỆNH ĐẶT													
LỆNH CHỜ													
LỆNH KHỚP													
VỊ THẾ ĐÓNG													
LỆNH ĐIỀU KIỆN													
XÁC NHẬN LỆNH													
☐	Hủy		Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thông thường/Thỏa thuận	Trạng thái
☐	Hủy	Sửa	16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0	0	5	Thông thường	
☐	Hủy	Sửa	16:06:10	4111G9000	Bán	2	1,869	0	0	0	2	Thông thường	
☐	Hủy	Sửa	16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0	0	20	Thông thường	
☐	Hủy		16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0	0	1	Thông thường	
☐	Hủy		16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0	0	1	Thông thường	
☐	Hủy	Sửa	16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0	0	1	Thông thường	

Hiện thị màn hình Hủy lệnh:

Hủy lệnh

X

Số hiệu lệnh: 0068180825000264

Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL khớp	Khối lượng	Giá
4111G4000	Mua	LO	0	5	1,869.7

THỰC HIỆN

ĐÓNG

- **Bước 2:**

- + Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Hủy lệnh.
- + Nhấn nút **THỰC HIỆN**, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

Gửi lại OTP

Lưu xác thực cho lần sau

☐

Xác thực

Đóng

- **Bước 3:** Nhập mã SmartOTP hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút  Hiện thị thông báo “Hủy lệnh thành công”. Nhấn nút  để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

5.4. Tab lệnh khớp

VỊ THẾ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THẾ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Thời gian	Mã CK	Mua/Bán	KL khớp	2	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Thường/Thoả thuận	Phí giao dịch	Thuế giao dịch	TKGD
11:24:50	4111G9000	Bán	2	1,869	373,800,000	Thông thường	4,000	31,773	0001000001	
11:24:51	4111G4000	Bán	2	1,869.4	373,880,000	Thông thường	4,000	31,780	0001000001	
11:24:51	4111G9000	Bán	1	2,001.9	200,190,000	Thông thường	2,000	17,016	0001000001	



Hình: Tab lệnh khớp

- Hiển thị các lệnh đã khớp trong ngày với thông tin:
 - + **Thời gian:** Hiển thị thời gian khớp lệnh theo giờ-phút-giây.
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đã khớp.
 - + **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh đã khớp.
 - + **KL khớp:** Khối lượng lệnh đã khớp.
 - + **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình cho khối lượng đã khớp.
 - + **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp của lệnh.
 - + **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch
 - + **Phí giao dịch:** Chi phí giao dịch phải trả cho mỗi lệnh đã khớp.
 - + **Thuế giao dịch:** Mức thuế áp dụng cho giao dịch.
 - + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

5.5. Tab vị thế đóng

VỊ THẾ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THẾ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Mã CK	Số lượng đã đóng	Giá vốn	Giá đóng	Chênh lệch giá	Hệ số nhân	Lãi lỗ VM	TKGD
4111G4000	2	1,723	1,869.4	146.4	100,000	29,280,000	0001000001

Hình: Tab vị thế đóng

- Tổng kết các cặp vị thế đã đóng cùng thông tin lãi lỗ và tài khoản giao dịch cho từng mã hợp đồng:
 - + **Mã CK:** Mã chứng khoán của các vị thế đã đóng.
 - + **Số lượng đã đóng:** Số lượng hợp đồng của vị thế đã được đóng
 - + **Giá vốn:** Giá vốn của vị thế khi mở.
 - + **Giá đóng:** Giá tại thời điểm đóng vị thế.
 - + **Chênh lệch giá:** Sự chênh lệch giữa giá vốn và giá đóng, thể hiện sự thay đổi giá trị của vị thế.
 - + **Hệ số nhân:** Hệ số nhân áp dụng cho hợp đồng tương lai của mã chứng khoán, ví dụ: 100,000 hoặc 10,000.
 - + **Lãi lỗ VM:** Lợi nhuận hoặc lỗ (VM - Value Margin) của vị thế, được tính dựa trên chênh lệch giá và hệ số nhân.
 - + **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

5.6. Tab lệnh điều kiện

Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh DK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hình: Tab lệnh điều kiện

Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh điều kiện mà khách hàng đặt gồm các thông tin về mã HĐTL, loại lệnh và thông tin lệnh đặt:

- Nút hành động:
 - + Hủy: Nút màu đỏ cho phép hủy lệnh điều kiện.
 - + Sửa: Nút màu vàng cho phép sửa đổi các thông số của lệnh điều kiện.
 - + Xem: Nút màu xanh lá cho phép xem chi tiết lệnh.
- Thông tin lệnh:
 - + Giờ đặt: Thời gian đặt lệnh điều kiện, hiển thị theo giờ-phút-giây.
 - + Mã CK: Mã chứng khoán của lệnh điều kiện.
 - + Mua/Bán: Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
 - + Loại lệnh: Loại lệnh được sử dụng.
 - + Lệnh DK: Loại lệnh điều kiện như STO, OCO, TSO, BB
 - + KL đặt: Khối lượng của lệnh điều kiện.
 - + Giá đặt: Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh điều kiện.
 - + Biên độ: Biên độ giá đặt điều kiện TSO
 - + Bước giá: Bước giá của lệnh điều kiện TSO
 - + Trạng thái: Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ kích hoạt, Đã kích hoạt,...)
 - + TKGD: Số tài khoản giao dịch của khách hàng.

5.6.1. Sửa lệnh:

- **Bước 1:** Click nút **Sửa** tại dòng lệnh muốn sửa.

Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh DK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hiện thị màn hình Sửa lệnh:

Sửa lệnh

Chi tiết lệnh gốc

20260710000000004

Mã CK	Mua/Bán	Số lượng	Giá stop	Giá limit
4111G7000	Mua	1	1,976.8	1,976.5

THỰC HIỆN

ĐÓNG

- **Bước 2:** Nhập các thông tin sửa về Khối lượng, Giá
- **Bước 3:**
 - + Nhấn nút

ĐÓNG

 để đóng màn hình Sửa lệnh.
 - + Nhấn nút

THỰC HIỆN

, hiển thị màn hình xác thực tài khoản

XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

89

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực

Đóng

- **Bước 4:** Nhập mã SmartOT hoặc mã OTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút

Xác thực

 Hiển thị thông báo “Đặt lệnh thành công”. Nhấn nút

Đóng

 để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

5.6.2. Hủy lệnh:

- **Bước 1:** Click nút

Hủy

 tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THẾ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984			Chờ kích hoạt	0001006584
Hủy	Sửa	Xem	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854			Chờ kích hoạt	0001006584

Hiện thị màn hình Hủy lệnh:

Hủy lệnh

Số hiệu lệnh gốc: 202607100000000001

Giá stop: 1,934

Giá limit: 1,854

Khối lượng: 1

Số hiệu lệnh	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL hủy
202607100000000001	14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	1	1,854	Chờ kích hoạt	0	0

THỰC HIỆN

ĐÓNG

Bước 2:

- + Nhấn nút  để đóng màn hình Hủy lệnh.
- + Nhấn nút , hiển thị thông báo “Hủy lệnh thành công”.

5.6.3. Xem chi tiết:

- Click nút  tại dòng lệnh muốn xem chi tiết.

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH													
Hủy	Sửa	Xem	Đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
				14:47:55	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5		Chờ kích hoạt	0001006584
				14:47:08	4111G7000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,976.5		Chờ kích hoạt	0001006584
				14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,984		Chờ kích hoạt	0001006584
				14:45:24	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	STO	1	1,854		Đã hủy	0001006584

Hiển thị màn hình chi tiết:

Chi tiết lệnh

Số hiệu lệnh gốc: 202607100000000002

Giá stop: 1,984

Giá limit: 1,984

Khối lượng: 1

Số hiệu lệnh	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL hủy
202607100000000002	14:45:40	4111G2000	Mua	Giá giới hạn	1	1,984	Chờ kích hoạt	0	0

5.7. Tab xác nhận lệnh

VỊ THẾ MỞ LỆNH ĐẶT LỆNH CHỜ LỆNH KHỚP VỊ THẾ ĐÓNG LỆNH ĐIỀU KIỆN XÁC NHẬN LỆNH										
	STT	Ngày	TKGD	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Kênh đặt lệnh	KL đặt	Giá đặt	
	1	14/01/2026	0001006584	4111G6000	Hủy mua	LO	Tại sàn	1	2,000	
	2	14/01/2026	0001006584	4111G6000	Mua	LO	Tại sàn	1	2,000	



Hình: Tab xác nhận lệnh

- Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh mà khách hàng đặt gồm các thông tin:
 - + STT: Số thứ tự của lệnh trong danh sách.
 - + Ngày: Ngày đặt lệnh.
 - + TKGD: Số tài khoản giao dịch của khách hàng.
 - + Mã CK: Mã chứng khoán của lệnh cần xác nhận.
 - + Mua/Bán: Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
 - + Loại Lệnh: Loại lệnh đặt.
 - + Kênh Đặt Lệnh: Phương thức đặt lệnh.
 - + KL Đặt: Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
 - + Giá Đặt: Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh.

Lưu ý: Đối với các khách hàng có đăng ký xác nhận lệnh thì tab xác nhận lệnh mới hiển thị.

6. Đặt lệnh phái sinh

6.1. Đặt lệnh giới hạn

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh giới hạn

Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.



Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

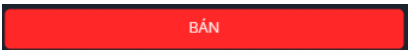
- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Giá: Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Giá đặt phải nằm trong khoảng giá trần và giá sàn. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập

- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

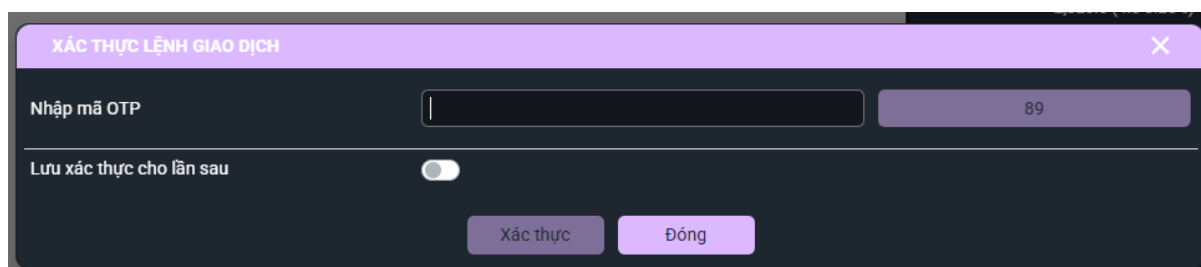


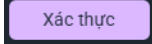
Hình: Đặt lệnh giới hạn

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút  để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút  để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch → Nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.



Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

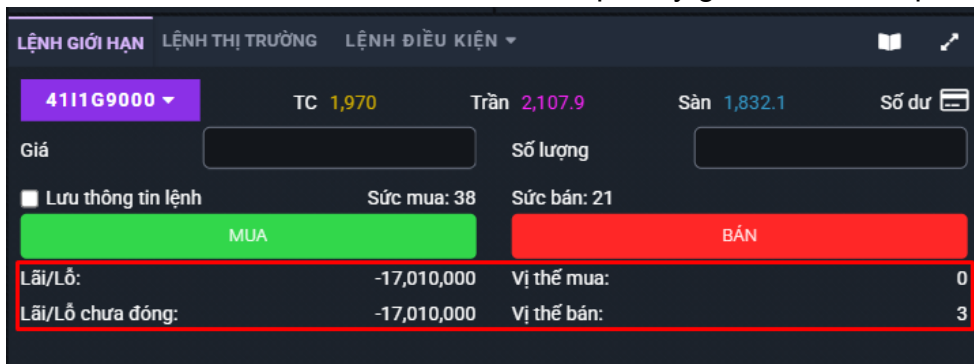
VỊ THẾ MỞ	LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH
	Hủy	Sửa				
Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB
11:27:35	4111G9000	Mua	10	1,869	0	0
16:08:24	4111G4000	Mua	5	1,869.7	0	0
16:44:51	4111F7000	Bán	20	1,350	0	0
16:44:29	4111G9000	Bán	1	1,832.1	0	0
16:44:23	4111G9000	Mua	1	2,107.9	0	0
16:44:18	4111G9000	Mua	1	2,007	0	0
Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD
0	0	10	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
0	0	5	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001000001
0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001
0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001000001

Hình: Tab lệnh chờ

 Lưu ý:

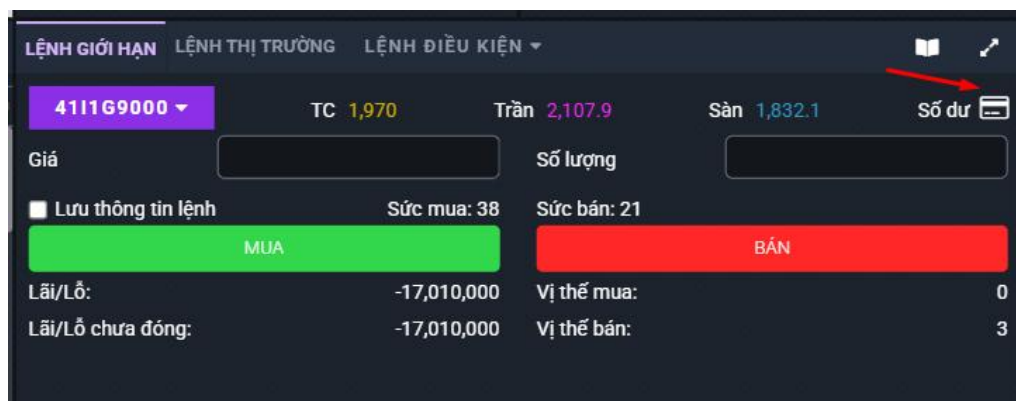


- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.



LỆNH GIỚI HẠN			
4111G9000	TC 1,970	Trần 2,107.9	Sàn 1,832.1
Giá	Số lượng		
☐ Lưu thông tin lệnh	Sức mua: 38	Sức bán: 21	
MUA		BÁN	
Lãi/Lỗ:	-17,010,000	Vị thế mua:	0
Lãi/Lỗ chưa đóng:	-17,010,000	Vị thế bán:	3

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư  thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.



Chi tiết tài khoản			
Giá trị tài sản ròng	8,243,942,438	Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC	1,577,971,883
Giá trị tài sản hợp lệ	8,231,672,438	Tiền tại VSDC	1,577,971,883
Tiền tại CTCK	237,016,424	Tiền ký quỹ chờ rút	142,094,017
Tiền chờ ký quỹ	6,275,712,924	Chứng khoán ký quỹ	204,960
Tiền chờ rút	248,326,723	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0
Chứng khoán ký quỹ	179,340	Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu	100%
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0	Số tiền được rút tối đa tại VSDC	1,577,971,883
Số tiền được rút tối đa	235,893,614	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSDC	0
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	4,217,105,000	Tỷ lệ sử dụng TKKQ	0%
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	3,032,460,000	Giá trị bổ sung TKKQ	0
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	1,184,645,000	Số tiền xử lý TKKQ	0
Lỗ vị thế	0	Tổng giá trị phí, thuế	1,122,810
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	0	Thông tin phụ trợ	0
Tỷ lệ sử dụng TKGD	51.230000000000004	Tiền phong tỏa	0
Giá trị bổ sung TKGD	0		
Số tiền xử lý TKGD	0		

Hình: Chi tiết tài khoản

6.2. Đặt lệnh thị trường

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh thị trường

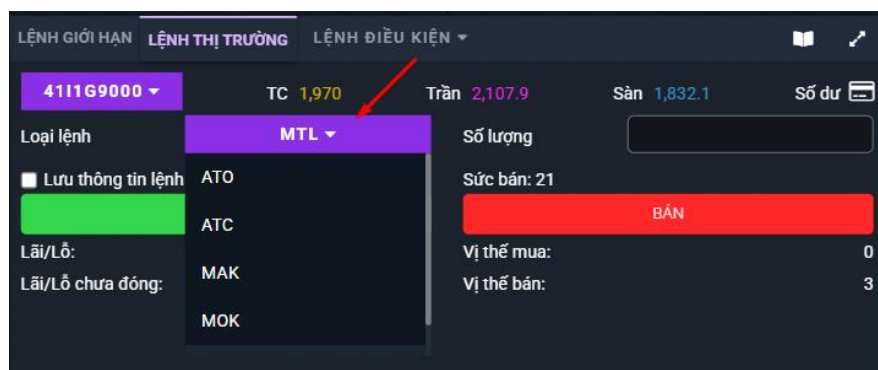
Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.



Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Chọn loại lệnh (ATO, ATC, MTL, MAK, MOK) muốn giao dịch từ danh sách.



- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

LỆNH GIỚI HẠN LỆNH THỊ TRƯỜNG LỆNH ĐIỀU KIỆN

4111G9000 TC 1,970 Trần 2,107.9 Sàn 1,832.1 Số dư

Loại lệnh MTL Số lượng 20

☐ Lưu thông tin lệnh Sức mua: 38 Sức bán: 21

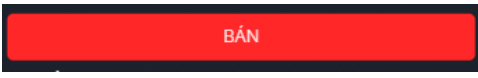
MUA BÁN

Lãi/Lỗ: -17,010,000 Vị thế mua: 0

Lãi/Lỗ chưa đóng: -17,010,000 Vị thế bán: 3

Hình: Đặt lệnh giới hạn

Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút  để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút  để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch → Nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.

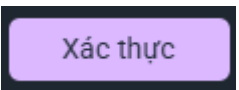
XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP 90

Lưu xác thực cho lần sau ☐

Xác thực Đóng

Xác thực

Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

VI THẾ MÔ																LỆNH CHỜ																LỆNH KHÓP																VI THẾ ĐÓNG																LỆNH ĐIỀU KIỆN																XÁC NHẬN LỆNH																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
☐	Hủy																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										

Hình: Tab lệnh chờ

Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.

- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.



The screenshot shows the 'LỆNH THỊ TRƯỜNG' (Market Order) tab. It displays the stock code '4111G9000', current price 'TC 1,970', and other market data. Below, there are buttons for 'MUA' (Buy) and 'BÁN' (Sell). A table at the bottom shows position details:

Lãi/Lỗ:	-17,010,000	Vị thế mua:	0
Lãi/Lỗ chưa đóng:	-17,010,000	Vị thế bán:	3

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư  thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.



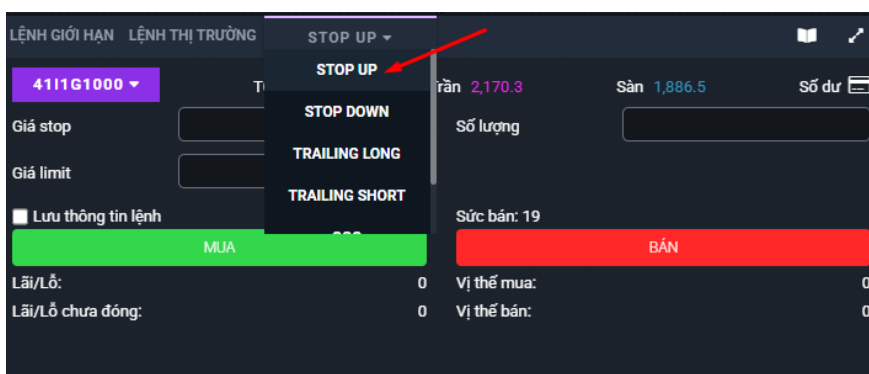
This screenshot is identical to the previous one, but with a red arrow pointing to the 'Số dư' (Account Balance) icon in the top right corner of the trading interface.

Chi tiết tài khoản			
Giá trị tài sản ròng	8,243,942,438	Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC	1,577,971,883
Giá trị tài sản hợp lệ	8,231,672,438	Tiền tại VSDC	1,577,971,883
Tiền tại CTCK	237,016,424	Tiền ký quỹ chờ rút	142,094,017
Tiền chờ ký quỹ	6,275,712,924	Chứng khoán ký quỹ	204,960
Tiền chờ rút	248,326,723	Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0
Chứng khoán ký quỹ	179,340	Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu	100%
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0	Số tiền được rút tối đa tại VSDC	1,577,971,883
Số tiền được rút tối đa	235,893,614	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSDC	0
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	4,317,575,000	Tỷ lệ sử dụng TTKQ	0%
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	3,032,460,000	Giá trị bổ sung TTKQ	0
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	1,285,115,000	Số tiền xử lý TTKQ	0
Lỗ vị thế	0	Tổng giá trị phí, thuế	1,122,810
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	0	Thông tin phụ trợ	+
Tỷ lệ sử dụng TKGD	52.45		
Giá trị bổ sung TKGD	0		
Số tiền xử lý TKGD	0		

Hình: Chi tiết tài khoản

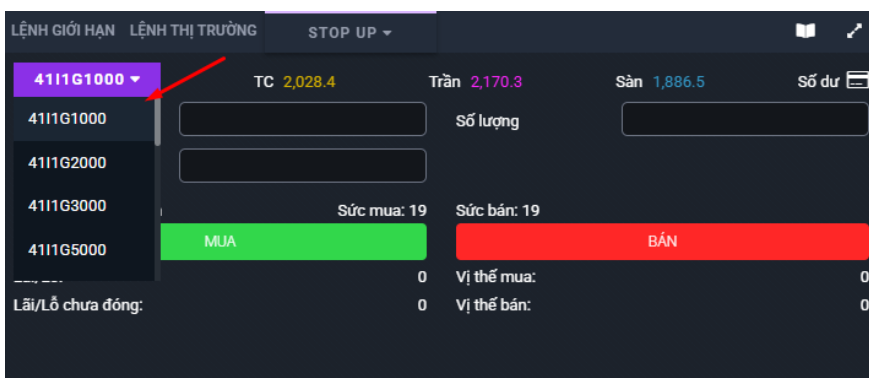
6.3. Đặt lệnh điều kiện

Bước 1: Chọn tab Giao dịch phái sinh → Lệnh thị trường → Chọn loại lệnh muốn giao dịch (Stop Up, Stop Down, Trailing Long, Trailing Short, OCO, Bull&Bear)



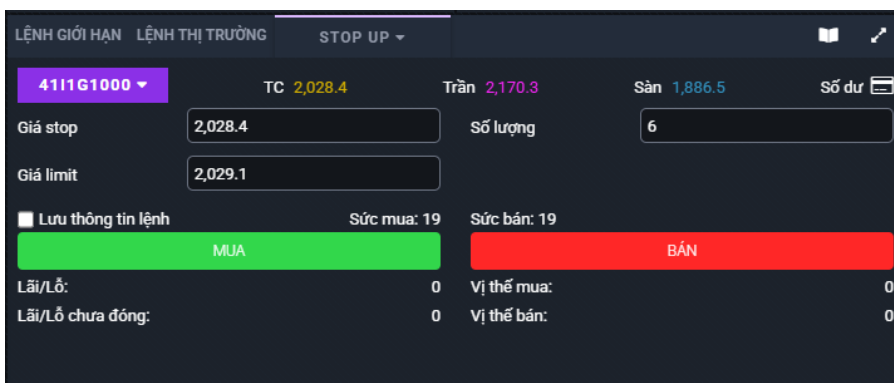
Bước 2: Chi tiết màn hình giao dịch

- Chọn mã hợp đồng tương lai (HĐTL) muốn giao dịch từ danh sách mã.



Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Giá: Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- Lưu thông tin lệnh: Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập
- Sức mua: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- Sức bán: Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

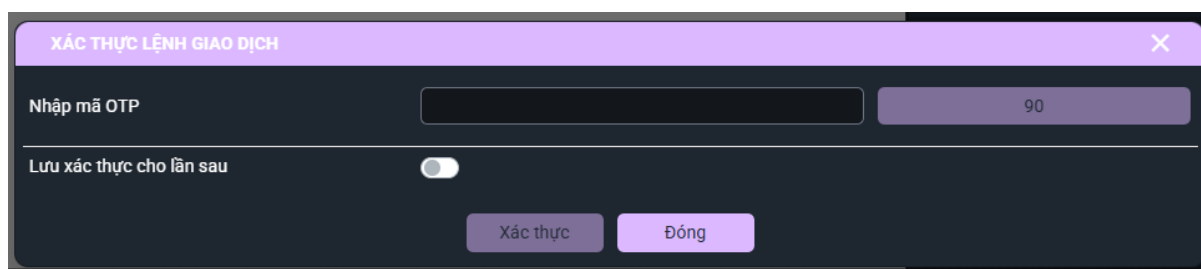


Hình: Đặt lệnh điều kiện

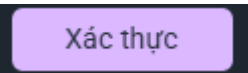
Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

- Nhấn nút  để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.
- Nhấn nút  để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

Bước 4: Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch -> nhập MÃ SMARTOTP hoặc nhập mã OTP để xác thực lệnh. Tích nút  để lưu xác thực cho lần sau.



Form xác thực lệnh giao dịch với các trường: Nhập mã OTP, Lưu xác thực cho lần sau (toggle), Xác thực, Đóng.

Bước 5: Nhấn nút  để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

VỊ THẾ MỞ

LỆNH ĐẶT

LỆNH CHỜ

LỆNH KHỚP

VỊ THẾ ĐÓNG

LỆNH ĐIỀU KIỆN

XÁC NHẬN LỆNH

Hủy

Sửa

Xem

Giờ đặt

Mã CK

Mua/Bán

Loại lệnh

Lệnh DK

KL đặt

Giá đặt

Biên độ

Bước giá

Trạng thái

TKGD

Hủy

Sửa

Xem

17:25:09

4111G1000

Mua

Giá giới hạn

STO

6

2,029.1

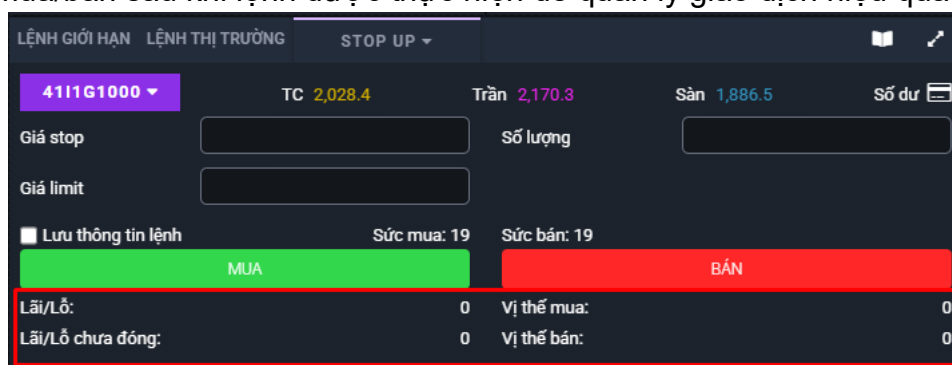
Chờ kích hoạt

0001006584

Hình: Tab lệnh chờ

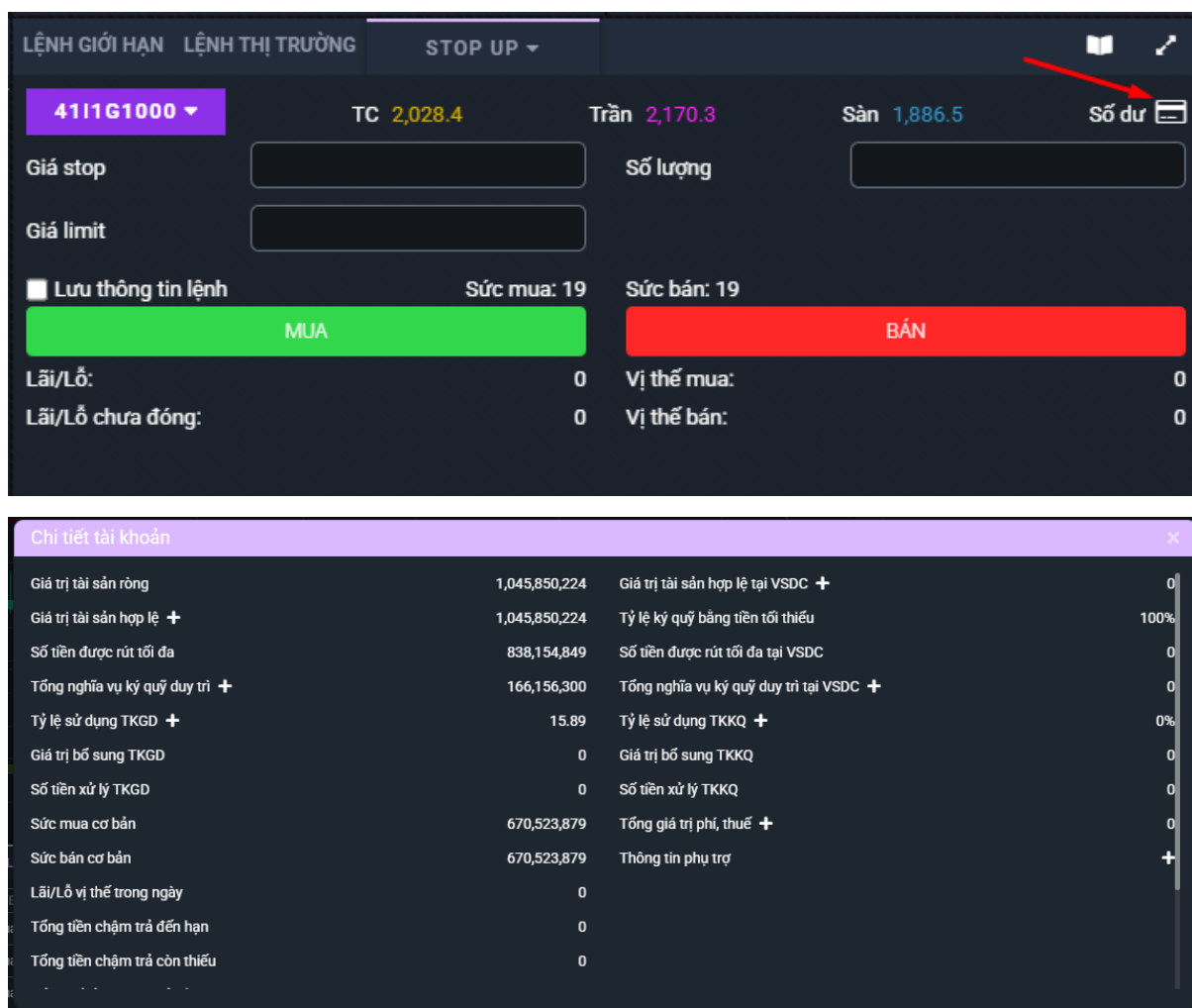
Lưu ý:

- Sau khi xác thực ở bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi tải lại website.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.



Form hiển thị thông tin lệnh chờ với các trường: 4111G1000, TC 2,028.4, Trần 2,170.3, Sàn 1,886.5, Số dư, Giá stop, Số lượng, Giá limit, Lưu thông tin lệnh, Sức mua: 19, Sức bán: 19, MUA, BÁN, Lãi/Lỗ, Vị thế mua, Lãi/Lỗ chưa đóng, Vị thế bán.

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư  thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.



The screenshot displays the TCSC trading platform interface. At the top, there are tabs for 'LỆNH GIỚI HẠN', 'LỆNH THỊ TRƯỜNG', and 'STOP UP'. Below these, the account balance is shown: '4111G1000' (Account ID), 'TC 2,028.4', 'Trần 2,170.3', 'Sàn 1,886.5', and 'Số dư' (Balance) with an icon. There are input fields for 'Giá stop' and 'Giá limit'. Below these are buttons for 'MUA' (Buy) and 'BÁN' (Sell). The bottom section shows 'Lưu thông tin lệnh' (Save order information) and 'Sức mua: 19' (Buy power: 19). The 'Số dư' (Balance) section is highlighted with a red arrow.

Chi tiết tài khoản		
Giá trị tài sản ròng	1,045,850,224	Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC +
Giá trị tài sản hợp lệ +	1,045,850,224	Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tối thiểu
Số tiền được rút tối đa	838,154,849	Số tiền được rút tối đa tại VSDC
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì +	166,156,300	Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì tại VSDC +
Tỷ lệ sử dụng TKGD +	15.89	Tỷ lệ sử dụng TKKQ +
Giá trị bổ sung TKGD	0	Giá trị bổ sung TKKQ
Số tiền xử lý TKGD	0	Số tiền xử lý TKKQ
Sức mua cơ bản	670,523,879	Tổng giá trị phí, thuế +
Sức bán cơ bản	670,523,879	Thông tin phụ trợ
Lãi/Lỗ vị thế trong ngày	0	
Tổng tiền chậm trả đến hạn	0	
Tổng tiền chậm trả còn thiếu	0	

Hình: Chi tiết tài khoản

6.4. Xem hướng dẫn đặt lệnh

Tích vào biểu tượng  để liên kết tới tài liệu hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện.

LỆNH GIỚI HẠN
LỆNH THỊ TRƯỜNG
STOP UP ▼

4111G9000 ▼

TC 1,970

Trần 2,107.9

Sàn 1,832.1

Số dư

Giá stop

Số lượng

Giá limit

☐ Lưu thông tin lệnh

Sức mua: 18

Sức bán: 21

MUA

BÁN

Lãi/Lỗ: -17,010,000

Vị thế mua: 0

Lãi/Lỗ chưa đóng: -17,010,000

Vị thế bán: 3